

Số: 03/2022/QĐST-HNGĐ

Đ, ngày 10 tháng 01 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 121/2021/TLST-HNGĐ ngày 15/10/2021 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” giữa:

- N đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1992, địa chỉ: Thôn Đ, xã D, huyện Đ, tỉnh G.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hồng H, sinh năm 1987, địa chỉ: Thôn Đ, xã D, huyện Đ, tỉnh G.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 12 năm 2021.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 12 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội;

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó;

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Hồng H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Hồng H có 02 con chung tên là: Nguyễn Hồng N, sinh ngày 07/8/2010 và Nguyễn Phương U, sinh ngày 26/8/2015.

Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Hồng H thỏa thuận và theo nguyện vọng của cháu Nguyễn Hồng N. Giao cả hai cháu Nguyễn Hồng N, sinh ngày 07/8/2010 và Nguyễn Phương U, sinh ngày 26/8/2015 cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến các cháu thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi

dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Chị Nguyễn Thị H không pH cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Hồng H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Án phí thuận tình ly hôn là: 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*), chị H và anh H mỗi người pH chịu 75.000 đồng, chị H tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) mà chị H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006524 ngày 11/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh G. Hoàn trả lại cho chị H số tiền 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí còn thừa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- UBND xã Ia Din;
- TAND tỉnh;
- CCTHADS huyện Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**